TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2021
V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *NgU đơn*: Bà U, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 160/3, khu phố 1, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Chị Hứa Thị T, sinh năm 1986 và Hứa Thị P, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Số 14, đường E, khu phố N, phường D, thành phố A, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2019). Chị T và chị P có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Ph, sinh năm 1975; địa chỉ: 413 (số cũ 15/21) đường T, khu phố B, phường D, thành phố A, tỉnh B, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông B, sinh năm 1977; địa chỉ: 413 (số cũ 15/21) đường T, khu phố B, phường D, thành phố A, tỉnh B, vắng mặt.

2. Tổng công ty Đầu tư và Phát triển C; địa chỉ: Số 08 đường H, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Đại T, sinh năm 1969, chức vụ: Giám đốc phòng quản lý đất đai (theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng ngU đơn trình bày:

Bà U và ông Ph là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2007. Bà U và ông Ph có 02 người con chung là cháu Trần Ngọc B K, sinh ngày 15/01/2009 và Trần Ngọc Hoàng K, sinh ngày 15/01/2009. Bà U và ông Ph ly hôn theo Quyết định số 485/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Theo Quyết định trên thì bà U trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Và trong thời kì hôn nhân bà U và ông Ph có tạo lập tài sản chung gồm:

1. Căn hộ chung cư số A2a.2.08, tầng 2, Block A2a, diện tích sàn 30m^2 thuộc khu nhà ở an sinh xã hội Becamex, khu Hòa Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

2. Căn hộ chung cư số A2a.1.07, tầng 1, Block A2a, diện tích sàn 57m^2 thuộc khu nhà ở an sinh xã hội Becamex, khu Hòa Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguồn gốc căn hộ chung cư số A2a.2.08, tầng 2, Block A2a là mua của Tổng Công ty đầu tư và phát triển C theo hợp đồng mua bán căn hộ nhà ở an sinh xã hội Becamex số 46/NOXH/HL-TC ngày 02/7/2013, giá trị hợp đồng là 176.040.000 đồng. Trong thời kỳ hôn nhân, bà U cùng ông Ph thanh toán đến tháng 7/2017 với số tiền 150.072.000 đồng. Sau khi ly hôn, từ tháng 8/2017 ông Ph thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng, các chi phí phát sinh với số tiền 30.409.000 đồng và đã được giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS00389 do Sở Tài ngU và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/01/2016 cho ông Ph.

Nguồn gốc căn hộ chung cư số A2a.1.07, tầng 1, Block A2a là mua của Tổng Công ty đầu tư và phát triển C theo hợp đồng mua bán căn hộ nhà ở an sinh xã hội Becamex số 270/NOXH/HL-TC ngày 12/9/2013, giá trị hợp đồng là 612.660.000 đồng. Đối với căn hộ này bà U và ông Ph nhờ ông ảo là em ruột của ông Ph đứng tên ký kết hợp đồng. Còn thanh toán giá trị hợp đồng sẽ do bà U và ông Ph có trách nhiệm thanh toán.

Sau ly hôn, bà U trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do các con ngày càng lớn, chi phí nuôi con ngày càng nhiều, bà U làm kế toán với mức lương thực lãnh 6.800.000 đồng nên bà gặp khó khăn trong việc nuôi các con, còn ông Ph là kỹ sư thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng. Về phần tài sản chung giữa bà với ông Ph cũng không có tiếng nói chung trong việc phân chia. Vì vậy, bà U khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/01con, tổng cộng 8.000.000 đồng/02 con từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi các con đủ 18 tuổi; về tài sản chung giao cho ông Ph được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt đối với căn hộ chung cư số A2a.2.08, tầng 2, Block A2a, còn căn hộ chung cư số A2a.1.07, tầng 1, Block A2a giao cho bà U được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của ngU đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện xác định bà U yêu cầu ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01con, tổng cộng 4.000.000 đồng/02 con từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung yêu cầu chia căn hộ chung cư A2a.2.08, tầng 2, Block A2a, ngU đơn yêu cầu chia đôi, ngU đơn được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt đối với căn hộ này và có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn ½ giá trị tài sản, vì hiện tại bà và các con đang ở nhờ nhà cha mẹ ruột; và rút yêu cầu chia căn hộ chung cư số A2a.1.07, tầng 1, Block A2a theo hợp đồng mua bán căn hộ nhà ở an sinh xã hội Becamex số 270/NOXH/HL-TC ngày 12/9/2013 được ký kết giữa Tổng công ty Đầu tư và Phát triển C với ông B.

Đối với bị đơn ông Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông ảo: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu ông Ph và ông B có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà U nhưng ông Ph và ông B không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông Ph và ông B tham gia hòa giải nhưng ông Ph và ông B vắng mặt không có lý do, đồng thời người đại diện hợp pháp của ngU đơn có đơn từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông Ph và ông B tham gia phiên tòa nhưng ông Ph và ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ngU đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do ngU đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty Đầu tư và Phát triển C là ông Hồ Đại T trình bày:

Tổng công ty Đầu tư và Phát triển C có ký kết với ông Ph hợp đồng mua bán căn hộ nhà ở an sinh xã hội Becamex số 46/NOXH/HL-TC ngày 02/7/2013, đối tượng của hợp đồng là căn hộ chung cư A2a.2.08, tầng 2, Block A2a, diện tích sàn 30m^2 thuộc khu nhà ở an sinh xã hội Becamex, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Thực hiện hợp đồng, ông Ph đã thanh toán đầy đủ giá trị của căn hộ nên Công ty đã thanh lý hợp đồng và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Ph vào ngày 27/3/2019. Đối

với yêu cầu chia tài sản chung của bà U thì phía Công ty không có ý kiến và yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với tài sản tranh chấp: Căn hộ chung cư số A2a.2.08, tầng 2, Block A2a thuộc khu nhà ở an sinh xã hội Becamex, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, căn hộ có diện tích 30m^2 được định giá là: 168.000.000 đồng. Các đương sự không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, ngU đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty Đầu tư và Phát triển C đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01con, tổng cộng 4.000.000 đồng/02 con từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung ngU đơn rút yêu cầu chia căn hộ chung cư số A2a.1.07, tầng 1, Block A2a theo hợp đồng mua bán căn hộ nhà ở an sinh xã hội Becamex số 270/NOXH/HL-TC ngày 12/9/2013 được ký kết giữa Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần với ông ảo, việc rút của ngU đơn là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần ngU đơn xin rút. Còn căn hộ chung cư A2a.2.08, tầng 2, Block A2a, ngU đơn yêu cầu chia đôi, ngU đơn được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt đối với căn hộ này và thanh toán cho bị đơn ½ giá trị tài sản. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân giữa ngU đơn với bị đơn cùng nhau thanh toán phần lớn giá trị căn hộ, từ sau ly hôn một mình bị đơn thanh toán phần còn lại của giá trị căn hộ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngU đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết và chia cho bị đơn được hưởng phần nhiều hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà U có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương buộc ông Ph cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đây là vụ án tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Người đại diện hợp pháp của ngU đơn là chị Hứa Thị T và Hứa Thị P; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty Đầu tư và Phát triển C là ông Hồ Đại T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông ảo đã được triệu tập các tham

gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2.2] Người đại diện hợp pháp của ngU đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu chia căn hộ chung cư số A2a.1.07, tầng 1, Block A2a theo hợp đồng mua bán căn hộ nhà ở an sinh xã hội Becamex số 270/NOXH/HL-TC ngày 12/9/2013 được ký kết giữa Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần với ông ảo. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của ngU đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ các Điều 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của ngU đơn thấy rằng:

[3.1] Bà U và ông Ph kết hôn năm 2007 và ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 485/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà U và ông Ph có 02 người con là cháu Trần Ngọc B Kim, sinh ngày 15/01/2009 và Trần Ngọc Hoàng K, sinh ngày 15/01/2009. Tại Quyết định trên đã quyết định giao 02 con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà U không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Nay, bà U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01con, tổng cộng 4.000.000 đồng/02 con với lý do các con ngày càng lớn, chi phí nuôi con ngày càng nhiều, bà U làm kế toán với mức lương thực lãnh 6.800.000 đồng nên bà gặp khó khăn trong việc nuôi các con, còn ông Ph là kỹ sư thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng.

Xét thấy, cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên để đảm B cho quá trình phát triển và hoàn thiện thể chất, tinh thần của con. Bà U xác định thu nhập hàng tháng của ông Ph là 15.000.000 đồng, nhưng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ để chứng minh cho phần trình bày này. Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 05/9/2017 được sao lục từ hồ sơ hôn nhân và gia đình thụ lý số 601/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2017 từ thời điểm năm 2017 ông Ph đã xác định thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng, còn đối với vụ án này trong suốt quá trình tố tụng ông Ph không có ý kiến và cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng của mình là bao nhiêu, nên có cơ sở xác định ông Ph có thu nhập hàng tháng. Như vậy, việc bà U yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01con, tổng cộng 4.000.000 đồng/02 con là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế tại địa phương hiện nay và nhu cầu phát triển bình thường của các cháu nên có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các ngU đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có cơ sở xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa bà U với ông Ph có mua căn hộ chung cư A2a.2.08, tầng 2, Block A2a theo hợp đồng mua bán căn hộ nhà ở an sinh xã hội Becamex số

270/NOXH/HL-TC ngày 12/9/2013, giữa bà U và ông Ph không có bất kỳ văn bản thỏa thuận nào về việc xác định căn hộ chung cư A2a.2.08, tầng 2, Block A2a là tài sản riêng của ai, nên là tài sản chung của ông Ph và bà U. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân bà U và ông Ph đã cùng nhau thanh toán đến tháng 7/2017 với số tiền 150.072.000 đồn. Từ sau ly hôn, tháng 8/2017 ông Ph là người trực tiếp thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng và các chi phí phát sinh khác là 30.409.000 đồng và nhận giấy chứng nhận. Mặc dù, giá trị căn hộ theo hợp đồng là 176.040.000 đồng, nhưng bà U thống nhất ngoài giá trị căn hộ theo hợp đồng ông Ph còn thanh toán thêm các khoản tiền đối với chi phí khác phát sinh để được nhận giấy chứng nhận, tổng số tiền thanh toán giá trị căn hộ trong và sau thời kỳ hôn nhân là 180.481.000 đồng. Như vậy, dựa trên số tiền bà U và ông Ph thanh toán trong thời kỳ hôn nhân được xác định tỷ lệ 83%, còn 17% là tiền của cá nhân ông Ph thanh toán. Có cơ sở xác định tài sản chung của bà U và ông Ph là 83%.

Về giá trị tài sản: Tại Biên bản định giá tài sản ngày 02 tháng 10 năm 2020 Căn hộ chung cư A2a.2.08, tầng 2, Block A2a trị giá 168.000.000 đồng.

Về ngU tắc tài sản chung được chia đôi, trong vụ án này không ai chứng minh được công sức đóng góp vượt trội hơn so với người còn lại trong việc tạo lập, duy trì khối tài sản chung. Do đó, tài sản chung được chia đôi của tỷ lệ 83%, bà U được hưởng 41,5% giá trị tài sản, tương đương số tiền 69.720.000 đồng; ông Ph được hưởng 41,5% + 17% = 58,5% giá trị tài sản, tương đương số tiền 98.280.000 đồng.

Hiện bà U không có nhà để sinh sống, đang ở nhờ nhà cha mẹ ruột. Bà U còn là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung chưa thành niên sau khi ly hôn. Do đó, việc giao tài sản cho bà U để bà U cùng các con có nơi ở ổn định là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, đảm B ngU tắc chung quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình; bà U nhận hiện vật nên bà U có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ph 58,5% giá trị tài sản, tương đương số tiền 98.280.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngU đơn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: NgU đơn tự nguyện chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào chi phí tạm ứng đã nộp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: NgU đơn và bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 39, 91, 147, 227, 228, 244, 254, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 59, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 27 và 32 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà U về việc yêu cầu chia căn hộ chung cư số A2a.1.07, tầng 1, Block A2a theo hợp đồng mua bán căn hộ nhà ở an sinh xã hội Becamex số 270/NOXH/HL-TC ngày 12/9/2013 được ký kết giữa Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần với ông ảo.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà U về việc tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn với bị đơn ông Ph.

2.1. Buộc ông Ph cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Trần Ngọc B Kim, sinh ngày 15/01/2009 và Trần Ngọc Hoàng K, sinh ngày 15/01/2009 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng/con, tổng cộng 4.000.000 (bốn triệu) đồng/02 con. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Ngọc B Kim và cháu Trần Ngọc Hoàng K đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

2.2. Ông Ph có trách nhiệm giao cho bà U được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu căn hộ chung cư số A2a.2.08, tầng 2, Block A2a, diện tích sàn 30m^2 thuộc khu nhà ở an sinh xã hội Becamex, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liến với đất số vào sổ cấp GCN: CS00389 do Sở Tài ngU và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/01/2016 cho ông Ph.

Bà U liên hệ cơ quan có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

2.3. Buộc bà U có trách nhiệm thanh toán cho ông Ph số tiền 98.280.000 (chín mươi tám triệu hai trăm tám mươi) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà U tự nguyện chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng, được khấu trừ vào chi phí tạm ứng đã nộp.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà U phải chịu 3.486.000 (ba triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0040022 ngày 17/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Trả lại cho bà U 1.814.000 (một triệu tám trăm mười bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí còn lại. Ông Ph phải chịu 4.914.000 (bốn triệu chín trăm mười bốn nghìn) đồng và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy